TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 658/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2018.
V/v tranh chấp người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;
2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh: bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh – số 99 đường TVK, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 486/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2018 về "tranh chấp người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 365/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hoàng Y– sinh năm: 1984 (vắng mặt)

Thường trú: số 995/56/3A đường HB, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: ông Trần Bình Tiên – sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Thường trú: số 995/56/3A đường HB, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2018 và bản tự khai cũa bà Nguyễn Thị Hoàng Y; bản tự khai của ông Trần Bình T thì cả hai đương sự đều trình bày:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Y và ông Trần Bình Tđã tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân Phường MB, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình

chung sống, giữa bà Y và ông T có 02 con chung tên TGP – sinh ngày: 21/10/2010 và TBT – sinh ngày: 05/8/2013. Sau, do phát sinh mâu thuẫn, bà Y và ông T đã ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận S. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 716/2015/QĐST-HNGĐ ngày 02/11/2015 của Tòa án nhân dân Quận S thì 02 con chung có tên nêu trên giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay kinh tế của bà Y đã ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, bà Y nộp đơn yêu cầu Tòa án giao 02 con chung giữa bà Y và ông T cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; và ông T cũng đồng ý giao 02 con chung giữa bà Y và ông T cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 27 tháng 7 năm 2018, bà Y nộp đơn xin giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án. Ngày 07 tháng 8 năm 2018, ông T nộp đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vắng mặt. Viện kiểm sát nhân dân Quận S phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc giao hai trẻ TGP và trẻ TBT cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trẻ trưởng thành; về án phí đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Bà Nguyễn Thị Hoàng Y có đơn khởi kiện về việc xin thay đổi người trực tiếp nuôi con đối với ông Trần Bình T. Tại thời điểm bà Y nộp đơn thì ông T cư trú tại Quận S, căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2018, bà Y nộp đơn xin giải quyết vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án; ngày 07 tháng 8 năm 2018, ông T nộp đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Tại Bản tự khai của bà Y và ông T, bà Y yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên TGP – sinh ngày: 21/10/2010 và TBT – sinh ngày: 05/8/2013, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; và ông T cũng đồng ý giao 02 con chung giữa bà Y và ông T

cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận. Do đó, căn cứ Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của bà Y.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: do bà Y không yêu cầu và ông T tự khai là các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Y nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

Khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về con chung: Giao 02 trẻ tên TGP – sinh ngày: 21/10/2010 và TBT – sinh ngày: 05/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Hoàng Y trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trường hợp thay đổi về nơi sinh sống, học tập của con chung, hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết

2. Về cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Hoàng Y nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010035 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S. Bà Y đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh